TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2023/DS-PT

Ngày: 17-5-2023

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 211/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

1.2. Bà Dương Thị G, sinh năm 1967

1.3. Anh Nguyễn Trường G1, sinh năm 1985 *(Có mặt)*

1.4. Chị Nguyễn Thị Cẩm S, sinh năm 1987

1.5. Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1998

Người đại diện theo ủy quyền của bà G, chị S, chị N: Anh Nguyễn Trường G1, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 *(Có mặt)*

2.2. Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1984.

Người đại diện theo ủy quyền của chị A: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976;Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989 *(Có mặt)*

3.2. Chị Hồ Thúy L, sinh năm 1990 *(Có mặt)*

3.3. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1987 *(Có mặt)*

3.4. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986.

3.5. Chị Nguyễn Thị Bé P, sinh năm 1979.

3.6. Anh Dương Hồ V, sinh năm 1982 *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị P: Dương Hồ V, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 12/5/2023).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đ: Nguyễn Văn N1, sinh năm 1987; Cùng địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 12/5/2023).

3.7. Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện thepo pháp luật: Bà Trần Thị Q, Chức vụ: Chủ tịch *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

3.8. Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đ.

Địa chỉ: Quốc lộ C, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh P1, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Thanh P1: Ông Nguyễn Hoàng H, chức vụ: Phó Trưởng phòng Thẩm tra và xác minh đơn Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đ. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Trường G1, bà Dương Thị G, chị Nguyễn Thị Cẩm S, chị Nguyễn Thị Bích N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị Út S1 là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B là nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp (thửa 844, diện tích 80m^2, thửa 1178, diện tích 80m^2) do ông bà khai mở. Năm 2000, ông B đứng tên QSD đất với tư cách hộ Nguyễn Văn B.

Ngày 17/11/2003, ông B tự ý chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn T với giá 40.500.000 đồng.

Vị trí chuyển nhượng chiều ngang giáp lộ 845 là 16m, chiều dài 10m (16 x 10m = 160m^2). Tại thời điểm chuyển nhượng, các thành viên trong gia đình không biết. Nhưng ông B vẫn làm hợp đồng chuyển nhượng thửa 844 và 1178 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên QSD đất.

Nay, ông B yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông B và ông T vì:

Ông B chỉ chuyển nhượng 160m^2 theo giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B ngày 09/5/2000; Do các thành viên trong gia đình không ký tên chuyển nhượng mà ông B tự ý chuyển nhượng là không đúng quy định, ông B đồng ý hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 40.500.000 đồng. Yêu cầu ông T giao trả lại 336m^2 đất thuộc thửa 844, 1178.

Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông Nguyễn Văn T tại thửa đất 844, 1178, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã M.

Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T, bà A và ông D ngày 12/10/2015.

Yêu cầu ông T, bà A trả lại thửa 844 và diện tích 168m^2 và thửa 1178 và diện tích 168m^2.

Yêu cầu ông D, bà L, ông N1, bà Đ, ông V, bà P trả lại thửa đất 844 và 1178.

Không đồng ý hỗ trợ tiền bồi thường các căn nhà của ông D, bà P, ông N1 trên đất.

- *Anh Nguyễn Trường G1 là nguyên đơn và là đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị G, Nguyễn Thị Cẩm S, Nguyễn Thị Bích N trình bày:* Năm 2003, trong hộ ông Nguyễn Văn B gồm có cụ bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn B, bà Dương Thị G, anh Nguyễn Trường G1, chị Nguyễn Thị Cẩm S và chị Nguyễn Thị Bích N. Việc ông B tự ý chuyển nhượng thửa đất 844 và 1178 đất cho ông Nguyễn Văn T các thành viên trong gia đình không biết và cũng không ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng.

Do đó, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất 844, 1178.

Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông Nguyễn Văn T tại thửa đất 844, 1178, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã M.

Đồng ý liên đới với ông B trả lại ông T số tiền chuyển nhượng 40.500.000 đồng. Yêu cầu ông T trả lại 336m^2 đất thuộc thửa 844, 1178.

Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông T và ông D.

Yêu cầu ông D, bà L, ông N1, bà Đ, ông V, bà P trả lại thửa đất 844 và 1178.

Không đồng ý hỗ trợ tiền bồi thường các căn nhà của ông D, bà P, ông N1 trên đất.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Năm 2003, nhận chuyển nhượng của ông B diện tích chiều ngang giáp lộ 846 là 16m, chiều dài từ lộ xuống mặt sông (02 chiều như nhau) và có xuống trụ đá tứ cận. Sau đó, ông T cho ông S2 mượn phần đất để bãi Tràm (vựa Tràm). Quá trình sử dụng, ông T có xóc hàng cừ tràm để gia cố đất ở mặt tiếp giáp sông kênh tư mới.

Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng giữa ông B và ông T bị vô hiệu, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý trong vụ án này. Không đồng ý yêu cầu của hộ ông B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn D trình bày: Hiện nay, trên phần đất có 03 căn nhà gồm: Nhà của anh D, nhà anh N1 và nhà chị P. Không đồng ý di dời nhà trả đất, không yêu cầu bồi thường thiệt hại về việc di dời nhà trả đất.

Trường hợp nguyên đơn khởi kiện có căn cứ thì không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng chuyển nhượng giữa anh D và ông T.

Ngày 18/01/2022, Sở TNMT cấp giấy thửa 73, diện tích 156,5m, thửa 06, diện tích 155,9m cho anh D đứng tên QSD đất (đã đối chiếu QSD đất bản chính tại phiên tòa ngày 01/8/2022). Không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng với ông T.

- Hộ ông Nguyễn Văn N1, hộ bà Nguyễn Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: có đơn xin vắng mặt.

- UBND huyện T, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án sơ thẩm số 47/DS-ST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Nguyễn Văn B, Dương Thị G, Nguyễn Trường G1, Nguyễn Thị Cẩm S, Nguyễn Thị Bích N yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/11/2003 giữa ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn T và yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại thửa 844, 1178, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã M, huyện T, Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Nguyễn Văn B, Dương Thị G, Nguyễn Trường G1, Nguyễn Thị Cẩm S, Nguyễn Thị Bích N yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông Nguyễn Văn T tại thửa 844, 1178, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã M, huyện T, Đồng Tháp.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Nguyễn Văn B, Dương Thị G, Nguyễn Trường G1, Nguyễn Thị Cẩm S, Nguyễn Thị Bích N

yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T, bà A và anh D ngày 12/10/2015.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Nguyễn Văn B, Dương Thị G, Nguyễn Trường G1, Nguyễn Thị Cẩm S, Nguyễn Thị Bích N yêu cầu hộ anh Nguyễn Văn D, hộ anh Nguyễn Văn N1 và hộ chị Nguyễn Thị P trả lại thửa đất 844 và 1178, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã M, huyện T, Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 15/8/2022, ông Nguyễn Văn B, bà Dương Thị G, anh Nguyễn Trường G1, chị Nguyễn Thị Cẩm S, chị Nguyễn Thị Bích N không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm; bản án tuyên không đúng theo quy định pháp luật người trong hộ, gây ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của gia đình ông B.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông B và ông T không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự, Luật sư đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, bà Dương Thị G, anh Nguyễn Trường G1, chị Nguyễn Thị Cẩm S, chị Nguyễn Thị Bích N là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, bà G, anh T, chị S, chị N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn B khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười thụ lý giải quyết phù hợp quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn B, Bà Nguyễn Thị G2, chị Nguyễn Thị Cẩm S, chị Nguyễn Thị Bích N, anh

Nguyễn Trường G1 kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Bà Nguyễn Thị G2, chị Nguyễn Thị Cẩm S, chị Nguyễn Thị Bích N ủy quyền cho ông Nguyễn Trường G1, bà Nguyễn Thị Thúy A ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đúng quy định nên chấp nhận. Ủy ban nhân dân huyện T, Sở Tài nguyên và Môi trường có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp nên chấp nhận, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến làn thứ hai nhưng vắng mặt nên xét xử theo quy định.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của ông B chuyển nhượng lại cho ông T diện tích 80m^2 thửa 844 và diện tích 80m^2 thửa 1178 cùng tờ bản đồ số 6. Hiện nay diện tích tranh chấp 155,9m^2 thửa số 6 và diện tích 156m^2 thửa số 73 cùng tờ bản đồ số 61, giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông Nguyễn Văn D ngày 18/01/2022, đất tại xã M, huyện T, Đồng Tháp.

Ông B, bà G2, chị S, chị N, ông G1 kháng cáo yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 17/11/2003 giữa ông B với ông T và hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông T và ông D, bà A ngày 12/10/2015 là không có cơ sở, bởi vì:

Ông B thừa nhận có thỏa thuận chuyển nhượng đất cho ông T nhưng QSDĐ là của hộ gia đình ông B nên bà G2, chị S, chị N, ông G1 không đồng ý việc chuyển nhượng nói trên. Nhận thấy việc chuyển nhượng QSDĐ của ông B và ông T là hoàn toàn tự nguyện, ông T đã nhận đất sử dụng và đã thanh toán đủ số tiền 40.500.000đ. Trên thực tế diện tích đất tranh chấp giáp ranh với phần đất còn lại của gia đình ông B, nhưng trong thời gian dài ông Thanh quản l sử dụng từ năm 2003 đến năm 2015 thì ông T chuyển nhượng lại cho ông D hoàn toàn không ai khiếu nại hoặc tranh chấp. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2020 bà G2 thừa nhận là ông B có nói bán đất cho ông T và bà biết việc bán đất nhưng cũng không có ngăn cản. Đối với chị S và chị N cho rằng ông B chuyển nhượng đất không cho hai chị biết là không phù hợp, bởi vì vào thời điểm năm 2003 chị S, chị N là người chưa thành niên còn đang sống phụ thuộc gia đình và cha mẹ là người lo kinh tế gia đình. Đồng thời, ông Nguyễn Văn S3 khai từ năm 2003 đến năm 2015 thì ông T có cho ông mượn phần đất tranh chấp để làm bãi cừ tràm và ông S3 có nói cho vợ con ông B biết nhưng cũng không có ai ý kiến gì. Qua đó cho thấy các thành viên của hộ ông B đều thống nhất cho ông B chuyển nhượng đất.

[3] Về diện tích đất: Ông B cho rằng chỉ chuyển nhượng diện tích 160m^2 (ngang 16m dài 10m) nhưng theo biên nhận tiền cọc viết tay ngày 03/11/2003 thể hiện phần đất chuyển nhượng chiều ngang giáp lộ 845 là 16m, chiều dài từ lộ 845 đến kênh hai chiều như nhau. Nay ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh thỏa thuận chuyển nhượng chiều dài 10m chứ không phải chuyển nhượng hết phần đất. Trong khi đó anh Trang Thanh H1 là người được ông B nhờ viết biên nhận đã xác nhận ghi đúng nội dung chuyển nhượng là chiều dài từ lộ xuống sông.

Tại Công văn số 4359/UBND-NC ngày 22/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T ý kiến như sau: Ngày 09/5/2000, Ủy ban nhân dân Huyện cấp giấy chứng nhận cho hộ ông B thửa 844, tờ bản đồ số 06 diện tích 480m^2, khi cấp giấy chứng nhận không có đo đạc thực tế mà chỉ căn cứ vào đơn xin đăng ký QSDĐ ngày 09/01/1999. Ngày 25/12/2003, Ủy ban nhân dân Huyện cấp giấy chứng nhận cho hộ ông T thửa 844 diện tích 80m^2 loại thổ cư và thửa 1178 (tách ra từ thửa 844) diện tích 80m^2 loại đất cây lâu năm khác cùng tờ bản đồ số 6, việc cấp giấy bảo đảm trình tự thủ tục theo quy định tại thời điểm cấp giấy, khi cấp giấy chứng nhận cho hộ ông T không có đo đạc thực tế mà chỉ căn cứ vào trích lục bản đồ địa chính do Ủy ban nhân dân xã M xác lập ngày 17/11/2003. Thực tế trước khi ông T nhận chuyển nhượng thì ông B đã chuyển nhượng cho bà N3 một phần thửa 844 diện tích 320m^2, sau đó ông B chuyển chuyển nhượng cho ông T 160m^2 là hết diện tích thửa đất theo giấy chứng nhận, đồng thời theo biên nhận ngày 03/11/2003 là thỏa thuận chuyển nhượng hết diện tích còn lại của thửa 844. Ông T đăng ký tách thành hai thửa gồm thửa 844 diện tích 168m^2 (T) và thửa 1178 diện tích 168m^2 (CLN). Như vậy, Ủy ban nhân dân Huyện cấp giấy chứng nhận cho ông T là cấp hết thửa đất theo thỏa thuận giữa ông B và ông T, việc chênh lệch diện tích lớn hơn 176m^2 là do cấp giấy cho ông B không có đo đạc nên ông T đăng ký điều chỉnh lại diện tích như nêu trên. Mặt khác, bà S1 (đại diện theo ủy quyền của ông B ở cấp sơ thẩm) xác nhận phần đất mà ông B chuyển nhượng cho ông T chiều ngang 16m nhưng lại cho rằng ông B có chừa lối đi ngang 02m là mâu thuẫn không không rõ ràng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2022 bà S1 khai phần đất ông B chuyển nhượng cho ông T có chiều ngang 16m dài tới mé sông K mới, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bà S1 khai là đến năm 2015 thì ông B phát hiện

thửa đất 844, 1178 diện tích tăng từ 160m^2 lên 336m^2. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông B, Bà G2, chị S, chị N, anh G1 là không có cơ sở.

[4] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, Bà G2, chị S, chị N, anh G1. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, Bà G2, chị S, chị N, ông G1. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí: Ông B, Bà G2, chị S, chị N, ông G1 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39,Điều 147, Điều 148, Điều 266, Điều 271 và Điều 273, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 689, 697 và Điều 698 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 30, 31 Luật đất đai năm 1993; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, bà Dương Thị G, anh Nguyễn Trường G1, chị Nguyễn Thị Cẩm S, chị Nguyễn Thị Bích N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Nguyễn Văn B, Dương Thị G, Nguyễn Trường G1, Nguyễn Thị Cẩm S, Nguyễn Thị Bích N yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/11/2003 giữa ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn T và yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại thửa 844, 1178, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã M, huyện T, Đồng Tháp.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Nguyễn Văn B, Dương Thị G, Nguyễn Trường G1, Nguyễn Thị Cẩm S, Nguyễn Thị Bích N yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông Nguyễn Văn T tại thửa 844, 1178, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã M, huyện T, Đồng Tháp.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Nguyễn Văn B, Dương Thị G, Nguyễn Trường G1, Nguyễn Thị Cẩm S, Nguyễn Thị Bích N yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T, bà A và anh D ngày 12/10/2015.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Nguyễn Văn B, Dương Thị G, Nguyễn Trường G1, Nguyễn Thị Cẩm S, Nguyễn Thị Bích N yêu cầu hộ anh Nguyễn Văn D, hộ anh Nguyễn Văn N1 và hộ chị Nguyễn Thị P trả lại thửa đất 844 và 1178, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã M, huyện T, Đồng Tháp.

6. Về án phí: Ông (bà) Nguyễn Văn B, Dương Thị G, Nguyễn Trường G1, Nguyễn Thị Cẩm S, Nguyễn Thị Bích N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.200.000 đồng và tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.365.000 đồng theo lai thu số 039177, ngày 07/4/2016, số tiền 1.500.000đ theo các biên lai số 0008015, số 0008016, số 0008017, số 0008018, số 0008019 cùng ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại ông (bà) Nguyễn Văn B, Dương Thị G, Nguyễn Trường G1, Nguyễn Thị Cẩm S, Nguyễn Thị Bích N số tiền 1.365.000 đồng, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

7. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: Hộ ông B đã nộp và chi xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Ngọc Vạng